

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/01/2021

Về việc “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU - TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thơ Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Long và ông Nguyễn Ngọc Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa có: Ông Phan Văn Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 105/2020/TLST–HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST–HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn 1, xã XH, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn L, sinh năm 1957. Địa chỉ: Thôn 1, xã XH, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn ly hôn, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày được tóm tắt như sau:**

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND xã Xuân Hải cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16 quyền số 01 ngày 13/7/1984.

Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không hòa giải được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L ngày nào cũng nhậu rồi yêu cầu bà T phải quan hệ tình dục; do tuổi lớn, sức khỏe không đảm bảo nên bà T không thể đáp ứng nhu cầu sinh lý của ông L được thì ông L chửi mắng, đánh đập bà T,

đập phá tài sản trong nhà. Sự việc lặp lại nhiều ngày, kéo dài hơn mười năm, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần, thân thể, sức khỏe, bà T không chịu đựng được nữa; hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 07 con chung gồm: Nguyễn Nghĩa (sinh năm 1979), Nguyễn Thị Hiệp (sinh năm 1982), Nguyễn Lai (sinh năm 1986), Nguyễn Lợi (sinh năm 1988), Nguyễn Thị Thắm (sinh năm 1992), Nguyễn Thanh Hòa (sinh năm 1994), Nguyễn Thị Hôn (sinh năm 1997).

Hiện nay cả 07 con chung đều đã trên 18 tuổi, là người khỏe mạnh có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết con chung.

- Về tài sản chung: Trong đơn ly hôn ngày 26/10/2020 (bút lục 13), bà T yêu cầu giải quyết tài sản chung gồm 01 căn nhà cấp 4 và 07 lô đất tọa lạc tại thôn 1, xã Xuân Hải, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Tại đơn xin rút yêu cầu giải quyết tài sản chung ngày 15/12/2020 (bút lục 27), bà T rút toàn bộ yêu cầu giải quyết tài sản chung.

- Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2020, bị đơn là Nguyễn L trình bày được tóm tắt như sau:*

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn L và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn, được UBND xã Xuân Hải cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16 quyền số 01 ngày 13/7/1984.

Vợ chồng ông L đã sống chung 44 năm, trong quá trình sống chung cũng có mâu thuẫn, cãi vã nhau nhưng không có mâu thuẫn gì lớn. Nguyên nhân mâu thuẫn chỉ là ông L nhậu về la lối, có khi chửi bới bà T; không có việc đánh đập bà T. ông L không đồng ý ly hôn, muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng có 07 con chung gồm: Nguyễn Nghĩa (sinh năm 1979), Nguyễn Thị Hiệp (sinh năm 1982), Nguyễn Lai (sinh năm 1986), Nguyễn Lợi (sinh năm 1988), Nguyễn Thị Thắm (sinh năm 1992), Nguyễn Thanh Hòa (sinh năm 1994), Nguyễn Thị Hôn (sinh năm 1997).

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì già yếu đi lại khó khăn nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu và đề xuất hướng giải quyết vụ án:* Về việc tuân thủ pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho bà Nguyễn Thị T ly hôn ông Nguyễn L; đối với con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét; buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND xã Xuân Hải cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16 quyển số 01 ngày 13/7/1984, là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự thì vợ chồng bà T, ông L có mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông L thường xuyên uống rượu bia về la lối, chửi mắng bà T.

Căn cứ lời trình bày của bà T phù hợp với nội dung cung cấp thông tin của chính quyền địa phương nơi cư trú (bút lục 31) thì ông L còn có hành vi đập phá tài sản trong nhà; đồng thời nguyên nhân mâu thuẫn sâu xa là do ông L có nhu cầu quan hệ tình dục cao, bà T không đáp ứng được làm vợ chồng mâu thuẫn, bà T có báo chính quyền địa phương.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng là có và không giải quyết được. Việc ông L uống rượu bia về nhà la lối, chửi mắng bà T là không tôn trọng thương yêu vợ. Mặt khác, quyền về thân thể là bất khả xâm phạm được quy định tại khoản 1 Điều 20 của Hiến pháp “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm”. Việc quan hệ tình dục vợ chồng phải xuất phát từ sự đồng thuận của hai bên; ông L yêu cầu bà T phải đáp ứng nhu cầu sinh lý của mình trái ý muốn của bà T là vi phạm quyền được đảm bảo an toàn về thân thể quy định tại Điều 33 của Bộ luật Dân sự năm 2015, vi phạm quyền và nghĩa vụ cơ bản của vợ chồng quy định tại các điều 18, 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho bà T ly hôn ông L.

[3] Về con chung: Bà T và ông L có 07 con chung nhưng đều đã trên 18 tuổi, là người khỏe mạnh, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không ai có yêu cầu xem xét việc nuôi con chung nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Trong đơn ly hôn ngày 26/10/2020, bà T có yêu cầu giải quyết tài sản chung, đã được Tòa án thụ lý xem xét giải quyết nhưng đến

ngày 15/12/2020, bà T đã rút toàn bộ yêu cầu giải quyết tài sản chung; bị đơn không có yêu cầu giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của BLTTDS, đình chỉ giải quyết quan hệ tài sản chung trong vụ án.

[5] Về nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết quan hệ tài sản chung trong vụ án hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

+ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị T ly hôn ông Nguyễn L.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí và hoàn trả cho bà T 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp có tại Biên lai thu tiền số 0005086 ngày 13/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Sông Cầu;
- Chi cục THADS thị xã Sông Cầu;
- UBND xã Xuân Hải, Tx Sông Cầu;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Thơ Hiền